TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/HNGĐ-ST
Ngày 04-5-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Quang Đầy.

Ông Phạm Hoàng Hân.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phạm Thành Công – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.

Ngày 04 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 19/2023/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2023 về "tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Hồng S, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp CC, xã LH, huyện NC, tỉnh Cà Mau;

- *Bị đơn:* Anh Đinh G, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp CC, xã LH, huyện NC, tỉnh Cà Mau;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn chị Nguyễn Hồng S trình bày:* Chị và anh Đinh G tự nguyện kết hôn năm 1990, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2005 do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn trầm trọng nên sống ly thân nhau cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng cũng không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Do đó, chị khởi kiện xin ly hôn với anh G.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Đinh Nhựt L sinh năm 1992 và Đinh Công L sinh năm 1994, các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Không có, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

- Bị đơn anh Đinh G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến, yêu cầu gì đối với nội dung nguyên đơn khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị S vắng mặt có văn bản xin vắng mặt; anh G đã được Tòa án triệu tập tham gia hòa giải và phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 207 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị S xác định chị và anh G tự nguyện kết hôn năm 1990, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đến nay không có đăng ký kết hôn; anh chị chung sống đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm, sống không hạnh phúc nên chị khởi kiện xin ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, anh G đã biết chị S kiện xin ly hôn nhưng không có ý kiến hay phản bác nội dung khởi kiện của nguyên đơn. Điều này chứng tỏ anh G không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của chị S đặt ra. Như vậy, giữa chị S và anh G đã từ lâu không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẽ, giúp đỡ nhau công việc trong gia đình và không chung sống với nhau thời gian đã lâu, cả hai đều không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng. Từ đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị S và anh G là trầm trọng, đời sống chung không thể kèo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S. Tuy nhiên, anh chị tổ chức đám cưới, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 cho đến nay không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền là vi phạm quy định về việc đăng ký kết hôn. Tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này..."*, đối chiếu điều luật viện dẫn, Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu ly hôn của chị S, mà cần tuyên bố quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh G không được pháp luật công nhận vợ chồng là có căn cứ.

[3] Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung tên Đinh Nhựt L sinh năm 1992 và Đinh Công L sinh năm 1994. Hai con đã trên 18 tuổi nên anh chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, không đặt ra xem xét, giải quyết là có căn cứ.

[4] Về tài sản chung và nợ chung chị S xác định không có; anh G không có ý kiến đặt ra. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là có căn cứ.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị S phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Hồng S và anh Đinh G là vợ chồng.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Án phí hôn nhân gia đình chị S phải chịu 300.000 đồng, chị đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0015973 ngày 10/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn nay được chuyển thu, chị S đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- CCTHADS huyện Năm Căn;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên